

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẢO CỒN CỎ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /QĐ - UBND

Cồn Cỏ, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024
của huyện đảo Cồn Cỏ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẢO CỒN CỎ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND huyện đảo Cồn Cỏ Khóa IV, kỳ họp thứ 9 về việc thông qua dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024;
Căn cứ Quyết định 02/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND huyện đảo Cồn Cỏ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế - Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của huyện đảo Cồn Cỏ (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế - Xã hội, Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TVHU, TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, cơ quan trên địa bàn;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Viết Cường

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND, ngày 11 / 01 /2024 UBND huyện đảo Côn Cỏ)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024
A	B	1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	28.102.000
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	350.000
-	Thu NSDP hưởng 100%	350.000
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	-
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	26.822.000
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	22.388.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	4.434.000
V	Thu kết dư ngân sách	-
VI	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	930.000
B	TỔNG CHI NSDP	28.102.000
I	Tổng chi cân đối NSDP	25.367.000
1	Chi đầu tư phát triển	2.987.000
2	Chi thường xuyên	20.480.000
3	Dự phòng ngân sách	500.000
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.400.000
II	Chi các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ:	2.735.000
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia:	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ:	2.735.000
a	Hỗ trợ thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (xây dựng đô thị loại II, III; chỉnh trang đô thị, kiến thiết thị chính; tăng cường cơ sở vật chất; xây dựng nông thôn mới; ...)	1.500.000
b	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS	200.000
c	Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị, các xã, phường, thị trấn	300.000
d	Hỗ trợ hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đảo du lịch	400.000
e	Hỗ trợ KP phục vụ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng,...	300.000
f	Bổ sung kinh phí thực hiện các chế độ chính sách	35.000
	Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh	10.000
	Hỗ trợ công tác khuyến nông và thú y trên địa bàn tỉnh	25.000
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

ch

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 05 /QĐ-UBND, ngày 11 / 01 /2024 UBND huyện đảo Côn Cỏ)

DVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024
A	B	1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	28.102.000
I	Nguồn thu ngân sách	28.102.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	350.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	26.822.000
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	22.388.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	4.434.000
3	Thu kết dư NS	-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	930.000
II	Chi ngân sách	28.102.000
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	28.102.000
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	-
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	-
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	-
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	-
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

th



Biểu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND, ngày 11 / 01 /2023 UBND huyện đảo Côn Cỏ)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	350.000	350.000
I	Thu nội địa	350.000	350.000
1	Thu thuế GTGT	290.000	290.000
2	Thu phí và lệ phí	10.000	10.000
3	Thu khác	50.000	50.000
II	Thu viện trợ		

ch

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND, ngày 11/01/2024 UBND huyện đảo Côn Cỏ)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Chi tiêu	Ngân sách huyện	Chia ra	
		Tổng số	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	28.102.000	28.102.000	-
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	25.367.000	25.367.000	-
I	Chi ĐT phát triển	2.987.000	2.987.000	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.987.000	2.987.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	20.480.000	20.480.000	-
1	Chi SN Kinh tế	4.886.958	4.886.958	
2	Chi SN Môi trường	200.000	200.000	
3	Chi SN Văn hoá - Thông tin	480.575	480.575	
4	Chi SN Truyền thanh	-		
5	Chi SN Thể dục - Thể thao	308.000	308.000	
6	Chi SN Giáo dục- ĐT& Dạy nghề	1.264.237	1.264.237	
	- SN Giáo dục	681.237	681.237	
	- SN Đào tạo và Dạy nghề	583.000	583.000	
7	Chi SN Y tế - Dân số KHHGĐ	271.410	271.410	
8	Chi Đảm bảo xã hội	50.000	50.000	
9	Chi Quản lý hành chính	10.256.310	10.256.310	
10	Chi Quốc phòng - An ninh:	2.465.000	2.465.000	
10.1	Quốc phòng địa phương	2.015.000	2.015.000	
10.2	An ninh địa phương	450.000	450.000	
11	Chi khác ngân sách	297.510	297.510	
III	Dự phòng ngân sách	500.000	500.000	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.400.000	1.400.000	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	2.735.000	2.735.000	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ:	2.735.000	2.735.000	
a	Hỗ trợ thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (xây dựng đô thị loại II, III; chỉnh trang đô thị, kiến thiết thị chính; tăng cường cơ sở vật chất; xây dựng nông thôn mới;...)	1.500.000	1.500.000	
b	Hỗ trợ KP phục vụ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng,...	300.000	300.000	
c	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS	200.000	200.000	
d	Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị, các xã, phường, thị trấn	300.000	300.000	
e	Hỗ trợ hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đảo du lịch	400.000	400.000	
f	Bổ sung kinh phí thực hiện các chế độ chính sách	35.000	35.000	
	Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh	10.000	10.000	
	Hỗ trợ công tác khuyến nông và thú y trên địa bàn tỉnh	25.000	25.000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 05 /QĐ-UBND, ngày 11 / 01 /2024 UBND huyện đảo Côn Cỏ)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán chi địa phương năm 2024	Ghi chú
	TỔNG CHI NSDP	28.102.000	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ		
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	28.102.000	
	<i>Trong đó:</i>		
I	Chi Đầu tư phát triển	2.987.000	
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.987.000	
	<i>Trong đó:</i>		
	Chi các hoạt động kinh tế	2.987.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	20.480.000	
1	Chi SN Kinh tế	4.886.958	
2	Chi SN Môi trường	200.000	
3	Chi SN Văn hoá - Thông tin	480.575	
4	Chi SN Truyền thanh		
5	Chi SN Thể dục - Thể thao	308.000	
6	Chi SN Giáo dục- ĐT& Dạy nghề	1.264.237	
6.1	- SN Giáo dục	681.237	
6.2	- SN Đào tạo và Dạy nghề	583.000	
7	Chi SN Y tế - Dân số KHHGD	271.410	
8	Chi đảm bảo xã hội	50.000	
9	Chi Quản lý hành chính	10.256.310	
10	Chi Quốc phòng - An ninh:	2.465.000	
10.1	Quốc phòng địa phương	2.015.000	
10.2	An ninh địa phương	450.000	
11	Chi khác ngân sách	297.510	
III	Dự phòng ngân sách	500.000	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.400.000	
V	Chi các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ:	2.735.000	
a	Hỗ trợ thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (xây dựng đô thị loại II, III; chỉnh trang đô thị, kiến thiết thị chính; tăng cường cơ sở vật chất; xây dựng nông thôn mới;...)	1.500.000	
b	Hỗ trợ KP phục vụ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng,...	300.000	
c	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS	200.000	
d	Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị, các xã, phường, thị trấn	300.000	
e	Hỗ trợ hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đảo du lịch	400.000	
f	Bổ sung kinh phí thực hiện các chế độ chính sách	35.000	

	Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh	10.000	
	Hỗ trợ công tác khuyến nông và thú y trên địa bàn tỉnh	25.000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		

ctw

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC
VÀ CÁC NHIỆM VỤ CHI KHÁC CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND, ngày 11 / 01 /2024 của UBND huyện đảo Côn Cỏ)

DVT: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CTMTQG)	Chi thường xuyên(không kể CTMTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	28.102.000	2.987.000	23.215.000	500.000	1.400.000	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC	20.204.559		20.204.559						-
1	VP HĐND & UBND huyện	4.166.574		4.166.574						
2	Phòng Kinh tế - Xã hội	4.564.823		4.564.823						
3	Huyện ủy	4.027.509		4.027.509						
4	HĐND huyện	786.626		786.626						
5	Trung tâm Dịch vụ và Du lịch	4.124.027		4.124.027						
6	Chi Quốc phòng	2.015.000		2.015.000						
7	Chi An Ninh	450.000		450.000						
8	Chi cục thuế	40.000		40.000						
9	Trung tâm y tế quân dân y	30.000		30.000						
II	CÁC NHIỆM VỤ CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC	3.010.441		3.010.441						
1	Chi sự nghiệp kinh tế	2.662.931		2.662.931						
2	Chi khác	297.510		297.510						
3	Chi bảo đảm xã hội	50.000		50.000						
III	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	2.987.000	2.987.000							
	Chi XD CB	2.987.000	2.987.000							
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	500.000			500.000					
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	1.400.000				1.400.000				
VI	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-								

rch

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND, ngày 11/01/2024 của UBND huyện đảo Côn Cỏ)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, LN, thủy lợi, ts, dịch vụ		
A	B	1	2	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	2.987.000	-	-	-	-	-	-	-	2.987.000	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC	2.987.000	-	-	-	-	-	-	-	2.987.000	-	-	-	-
1	Phòng Kinh tế - Xã hội	2.987.000								2.987.000				

th

